

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 18/2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai; Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung nội dung Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 636/BKTNB-CTHĐND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất đối với các cơ quan, tổ

chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp định kỳ hàng năm về công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

c) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo nội dung của văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế được cấp có thẩm quyền ban hành mới.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp sau:

a) Đối với các trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định pháp luật.

b) Đối với các trường hợp đang trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt thì phải thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Đối với các dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định pháp luật đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

d) Đối với các dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm kể từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2024./*ru*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực huyện ủy, thành ủy và HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về:

1. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản công và tài sản công là vật tiêu hao) bao gồm việc quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, khai thác tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án có sử dụng đất).

3. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

4. Quy định này không quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nguồn kinh phí (bao gồm nguồn kinh phí khoa học và công nghệ) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

5. Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đấu thầu; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc quản lý của tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguồn vốn mua sắm

1. Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách hàng năm; nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc giữ lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn tài chính hợp pháp khác được sử dụng theo quy định pháp luật của các đối tượng thuộc Điều 2 Quy định này.

2. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó có bao gồm nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm phải thực hiện theo quy định tại Quy định này.

3. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó bao gồm nguồn vốn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và nguồn vốn đầu tư công thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN CÔNG (BAO GỒM TÀI SẢN CÔNG LÀ VẬT TIÊU HAO), HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ, MUA SẮM CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

3. Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) có giá trị không quá 200 triệu đồng. Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

6. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh), các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định pháp luật của Trung ương và cấp tỉnh về mua sắm tập trung.

7. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THUÊ, THU HỒI, ĐIỀU CHUYỂN, BÁN, THANH LÝ, TIÊU Hủy TÀI SẢN CÔNG, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ MẤT, BỊ HỦY HOẠI TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thuê tài sản công được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất).

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; quyết định thuê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong phạm vi nguồn vốn quy định tại Điều 3 Quy định này; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong phạm vi nguồn vốn quy định tại Điều 3 Quy định này; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển đối với tài sản công không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với các tài sản công thuộc phạm vi quản lý của đơn vị được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định pháp luật.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của đơn vị có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Trường hợp thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán, thanh lý tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định và xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định của pháp luật đối với:

1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm tài sản là bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa hoặc động sản.

2. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

4. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

5. Tài sản chuyển giao cho Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

1. Phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu.

2. Phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

3. Phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng đối với các trường hợp không thuộc phạm vi các điểm a, b và d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG

Điều 13. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc khai thác tài sản công tại đơn vị theo quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương./.